FireAnt

CTCP Nhiên liệu Sài Gòn (HSX: SFC)

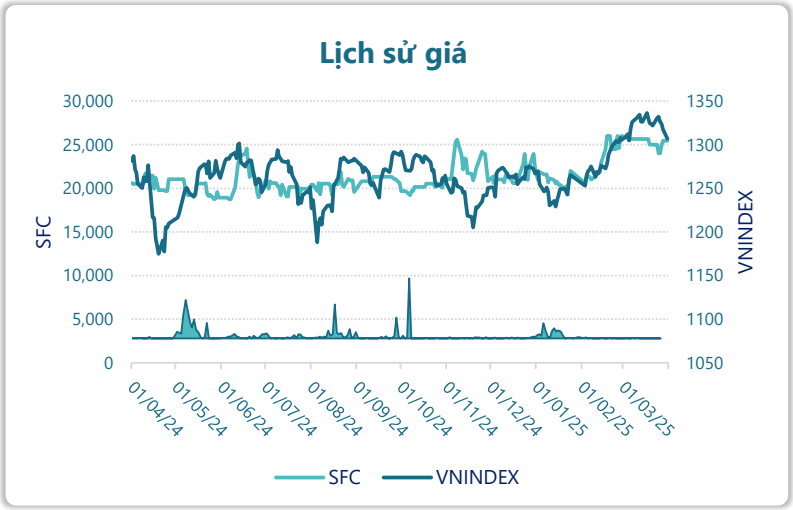

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**25,450**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,739
SL cổ phiếu LH	11,291,459
KLGD BQ 20 phiên (CP)	235
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	287
P/E	15.3
EPS	1,669

DT thuần

Q1/25

356

tỷ VNĐ

QoQ: ▼22.0| -5.9%

YoY: ▼56.0| -13.6%

LN sau thuế

Q1/25

5.52

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.03| -0.6%

YoY: ▼0.45| -7.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

1.6%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

2024

1,594

tỷ VNĐ

YoY: ▼8.00| -0.5%

LN sau thuế

2024

19.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼10.9| -36.1%

ROE

2024

11.6%

+/- YoY: ▼ 6.7%

Kết quả kinh doanh

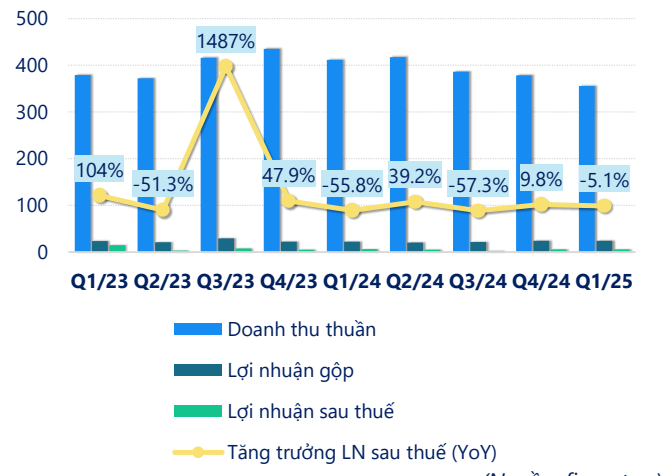

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

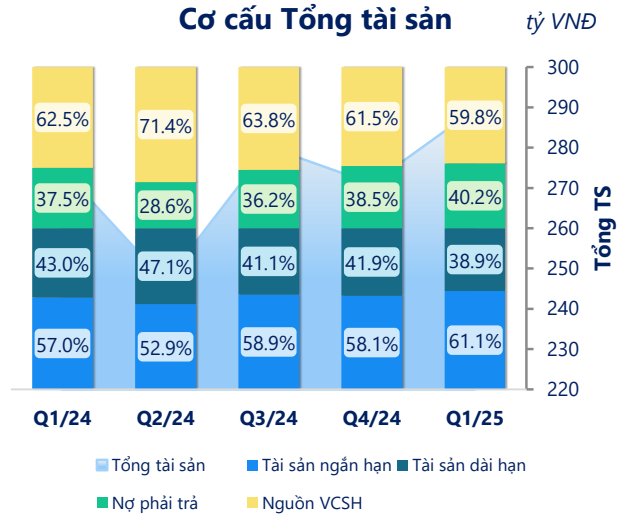

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

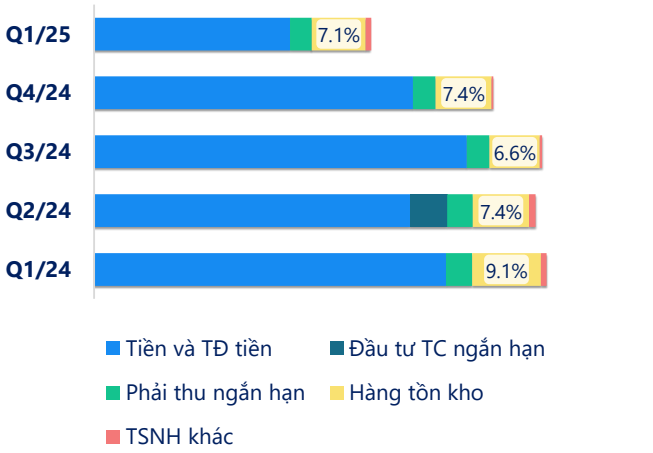

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

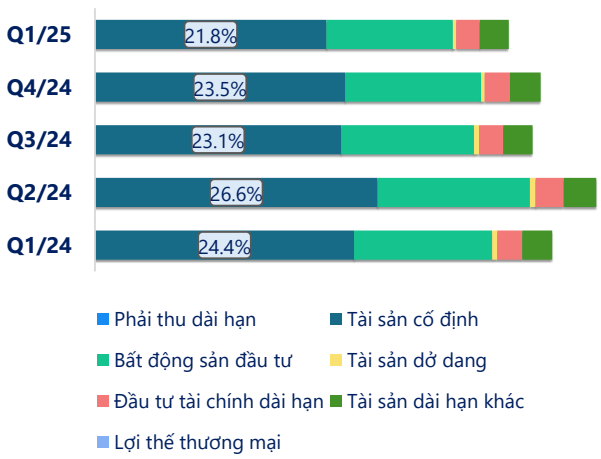

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

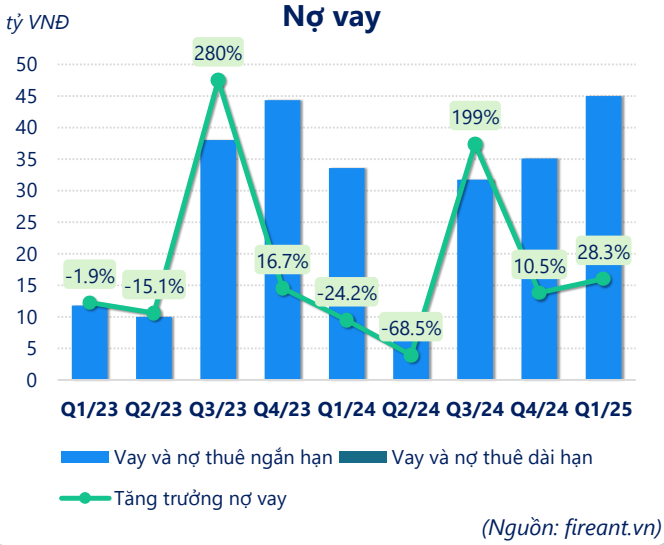

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

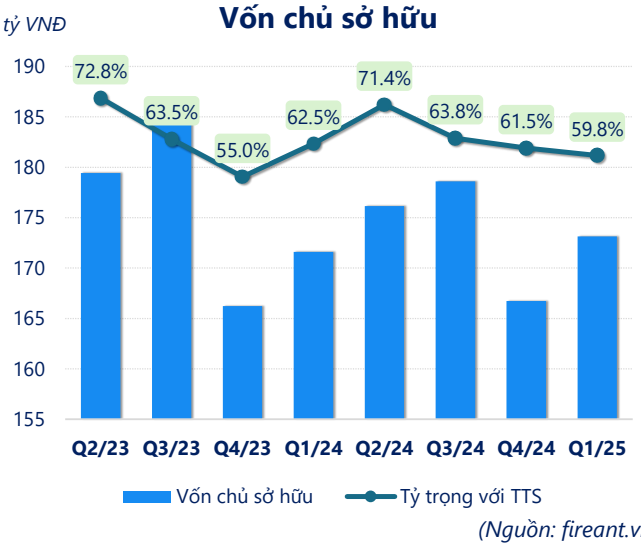

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

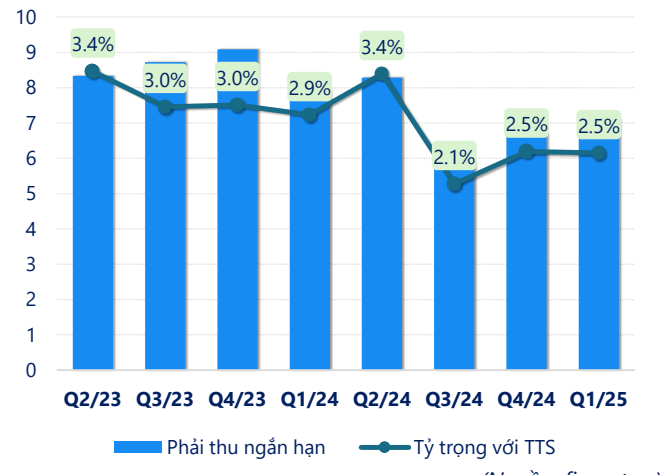

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

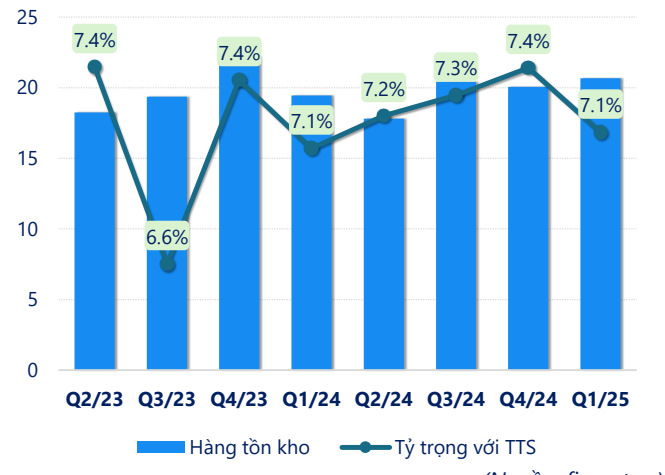

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

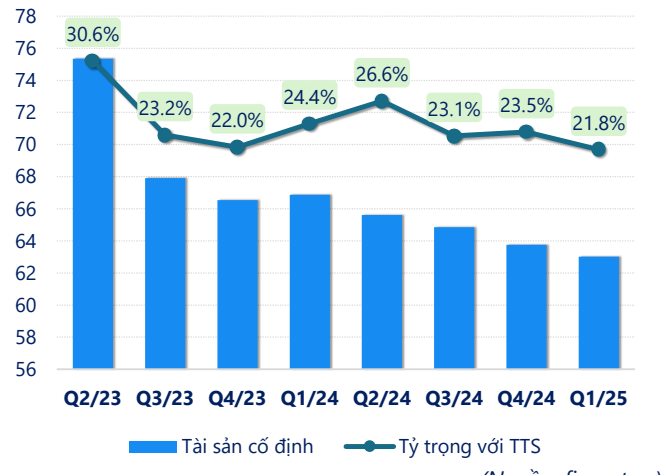

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

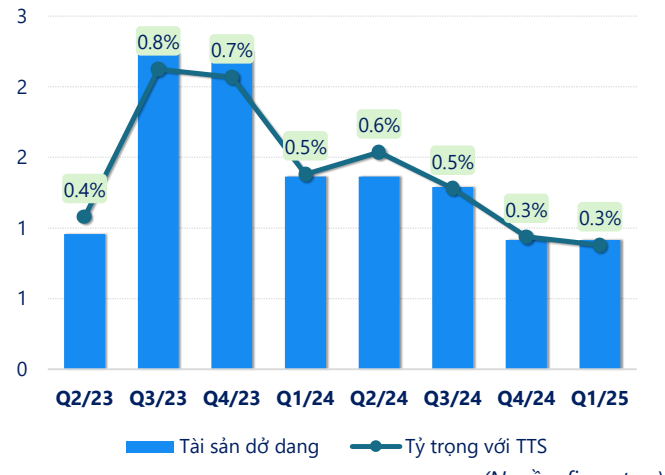

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

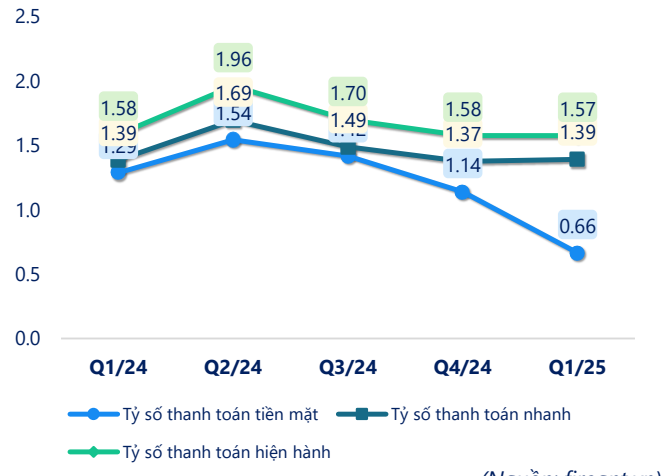

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

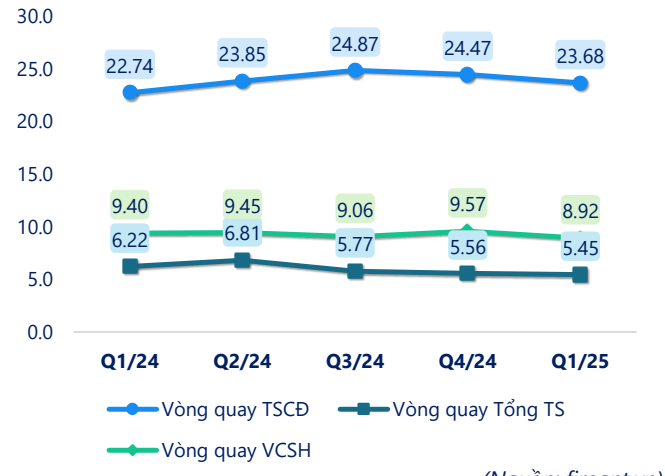

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**275**	**247**	**280**	**271**	**289**
Tài sản ngắn hạn	**157**	**130**	**165**	**158**	**177**
Tiền và tương đương tiền	127	103	138	114	74.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	16.1	72.1
Phải thu ngắn hạn	7.94	8.28	5.91	6.72	7.12
Hàng tồn kho	19.4	17.8	20.4	20.1	20.7
Tài sản ngắn hạn khác	1.99	1.72	1.05	0.83	2.31
Tài sản dài hạn	**118**	**116**	**115**	**114**	**113**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Tài sản cố định	66.9	65.6	64.8	63.7	63.0
Bất động sản đầu tư	35.6	35.3	35.0	34.7	34.4
Tài sản dở dang	1.36	1.36	1.29	0.92	0.92
Đầu tư tài chính dài hạn	6.44	6.44	6.39	6.39	6.39
Tài sản dài hạn khác	7.70	7.62	7.70	7.82	7.88
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**103**	**70.7**	**102**	**104**	**116**
Nợ ngắn hạn	**98.8**	**66.6**	**97.1**	**100.0**	**112**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	33.6	10.6	31.7	35.1	45.0
Phải trả người bán ngắn hạn	13.6	7.24	10.0	15.6	11.7
Nợ dài hạn	4.11	4.11	4.39	4.40	4.04
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**172**	**176**	**179**	**167**	**173**
Vốn chủ sở hữu	**172**	**176**	**179**	**167**	**173**
Vốn điều lệ	113	113	113	113	113
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)